

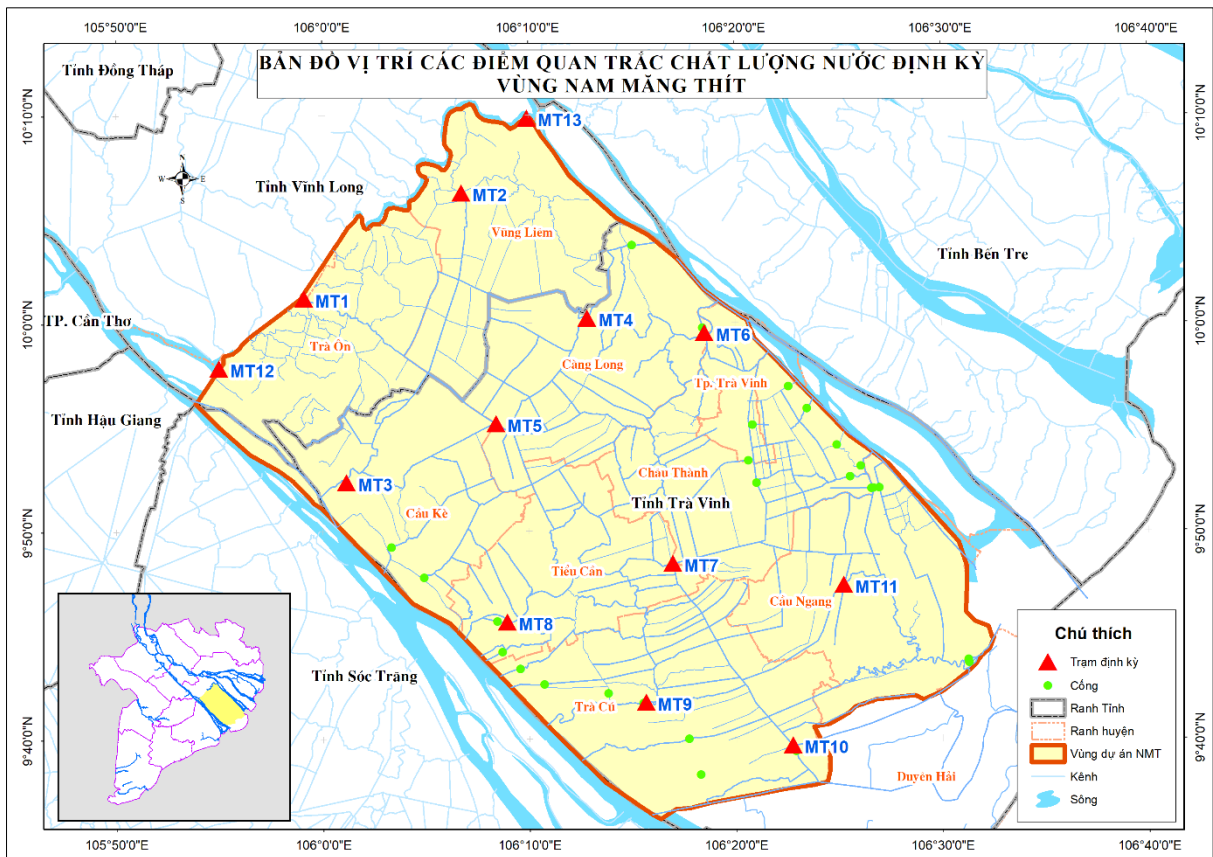
TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2024

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Nam Măng Thít, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2024

BẢN TIN TUẦN 21 Dự báo từ 28/06 đến 04/07/2024

I. Vị trí dự báo

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm dự báo được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

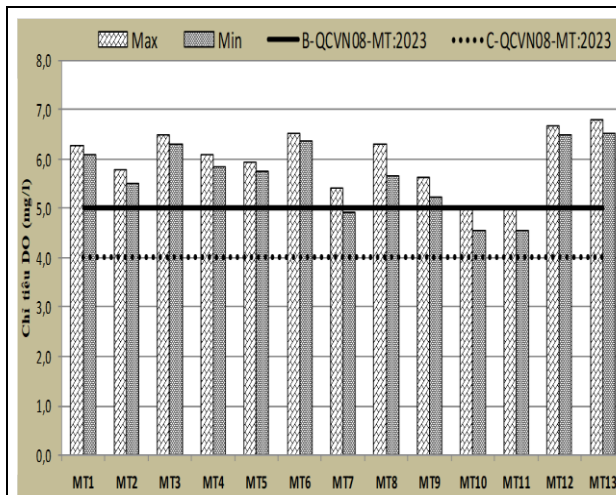
Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

| TT | Ký hiệu | Vị trí điểm đo | Tọa độ điểm quan trắc | | Xã | Huyện | Tỉnh |
|----|---------|--------------------------------|-----------------------|-----------|------------|-----------|-----------|
| | | | X | Y | | | |
| 1 | MT1 | Đầu sông Trà Ngoa | 607.966 | 1.107.801 | Trà Côn | Trà Ôn | Vĩnh Long |
| 2 | MT2 | Kênh Bung Trường, Công Bàu Xếp | 621.886 | 1.117.202 | Hiếu Phụng | Vũng Liêm | Vĩnh Long |
| 3 | MT3 | Đầu kênh Bông Bốt | 611.764 | 1.091.528 | An Phú Tân | Cầu Kè | Trà Vinh |
| 4 | MT4 | Kênh Mây Túc – Ngã Hậu | 633.059 | 1.106.117 | Càng Long | Càng Long | Trà Vinh |
| 5 | MT5 | Kênh Trà Ngoa | 625.008 | 1.096.756 | Thanh Phú | Cầu Kè | Trà Vinh |
| 6 | MT6 | Công Láng Thê | 643.446 | 1.104.839 | Đại Phước | Càng Long | Trà Vinh |
| 7 | MT7 | Rạch Cần Chông | 640.652 | 1.084.401 | Ngãi Hùng | Tiểu Cần | Trà Vinh |
| 8 | MT8 | Cổng Cần Chông | 625.998 | 1.079.177 | Tân Hòa | Tiểu Cần | Trà Vinh |
| 9 | MT9 | Cổng Trà Cú | 638.320 | 1.072.074 | Trà Cú | Trà Cú | Trà Vinh |
| 10 | MT10 | Cổng La Bang | 651.316 | 1.068.315 | Đôn Châu | Duyên Hải | Trà Vinh |
| 11 | MT11 | Kênh Ba So | 655.796 | 1.082.521 | Hiệp Hòa | Cầu Ngang | Trà Vinh |
| 12 | MT12 | Sông Măng Thít | 600.450 | 1.101.604 | Trà Ôn | Trà Ôn | Vĩnh Long |
| 13 | MT13 | Sông Măng Thít | 627.688 | 1.123.852 | Quới An | Vũng Liêm | Vĩnh Long |

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 28/06/2024 đến ngày 04/07/2024

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 28/06/2024 đến ngày 04/07/2024 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

1. Chỉ tiêu DO



Hình 2. Giá trị DO dự báo

Dự báo giá trị biến động của chỉ tiêu DO nhỏ nhất trong 7 ngày tới biến đổi từ 4,6 mg/l đến 6,8 mg/l.

Các vị trí ở phía đầu nguồn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, MT13 gần các sông Măng Thít, sông Hậu và sông Cỏ Chiên nên giá trị DO đều cao.

Các vị trí giáp nước, cuối nguồn và các vị trí sau cống như các điểm MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11 có giá trị DO thấp hơn do nước ít được luân chuyển.

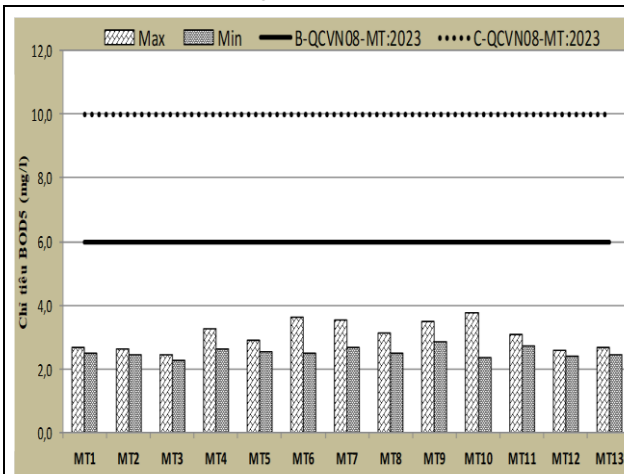
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị dự báo đều đạt mức B. Chỉ tiêu chất lượng nước DO đảm bảo tốt cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 2. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 28/06-04/07/2024

Đơn vị: mg/l

| TT | Trạm | 28/06 | 29/06 | 30/06 | 01/07 | 02/07 | 03/07 | 04/07 |
|----|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 1 | MT1 | 6,27 | 6,22 | 6,18 | 6,16 | 6,08 | 6,08 | 6,09 |
| 2 | MT2 | 5,77 | 5,69 | 5,67 | 5,63 | 5,54 | 5,55 | 5,51 |
| 3 | MT3 | 6,48 | 6,44 | 6,39 | 6,37 | 6,30 | 6,30 | 6,30 |
| 4 | MT4 | 6,07 | 5,99 | 5,97 | 5,92 | 5,85 | 5,88 | 5,87 |
| 5 | MT5 | 5,94 | 5,89 | 5,83 | 5,81 | 5,74 | 5,74 | 5,75 |
| 6 | MT6 | 6,53 | 6,46 | 6,44 | 6,39 | 6,36 | 6,41 | 6,45 |
| 7 | MT7 | 5,14 | 5,03 | 4,97 | 4,91 | 5,04 | 5,21 | 5,40 |
| 8 | MT8 | 5,90 | 5,83 | 5,70 | 5,66 | 6,00 | 6,19 | 6,29 |
| 9 | MT9 | 5,45 | 5,38 | 5,25 | 5,22 | 5,32 | 5,53 | 5,63 |
| 10 | MT10 | 4,80 | 4,73 | 4,60 | 4,56 | 4,67 | 4,87 | 4,97 |
| 11 | MT11 | 4,78 | 4,71 | 4,58 | 4,55 | 4,72 | 4,94 | 5,05 |
| 12 | MT12 | 6,68 | 6,64 | 6,59 | 6,56 | 6,50 | 6,52 | 6,55 |
| 13 | MT13 | 6,78 | 6,71 | 6,69 | 6,64 | 6,55 | 6,55 | 6,51 |

2. Chỉ tiêu BOD₅

Hình 3. Giá trị BOD₅ dự báo

Dự báo BOD₅ lớn nhất trong 7 ngày tới biến đổi từ 2,3 mg/l đến 3,8 mg/l.

Đối với các vị trí đầu nguồn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13 do gần các sông lớn, không bị ứ đọng và luân chuyển dòng chảy nên giá trị BOD₅ đều thấp.

Ngược lại, với các vị trí giáp nước, nội đồng hay trong cống, nước ít được luân chuyển, các công thường đóng để ngăn mặn nên gây ứ đọng nước hay tích tụ chất thải dẫn đến cần nhiều oxy để oxy hóa các chất hữu cơ làm cho giá trị BOD₅ tăng cao.

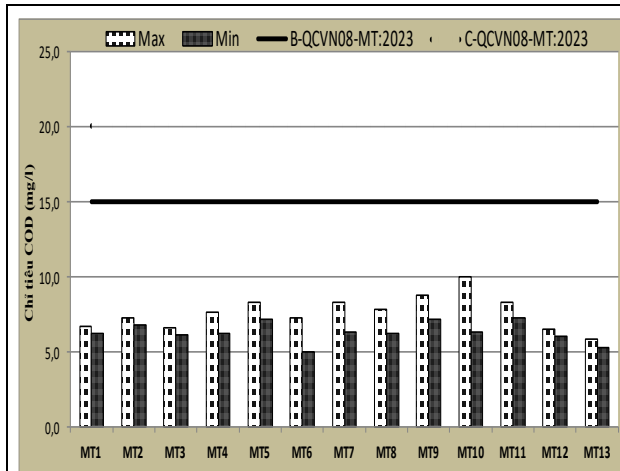
So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị BOD₅ dự báo đều thấp và dưới ngưỡng B. Nhìn chung, chỉ tiêu chất lượng nước BOD₅ đảm bảo tốt cho cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3. Kết quả dự báo thông số BOD₅ các trạm từ ngày 28/06-04/07/2024

Đơn vị: mg/l

| TT | Trạm | 28/06 | 29/06 | 30/06 | 01/07 | 02/07 | 03/07 | 04/07 |
|----|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 1 | MT1 | 2,49 | 2,53 | 2,58 | 2,60 | 2,66 | 2,66 | 2,66 |
| 2 | MT2 | 2,46 | 2,55 | 2,63 | 2,64 | 2,65 | 2,55 | 2,52 |
| 3 | MT3 | 2,28 | 2,32 | 2,37 | 2,39 | 2,46 | 2,46 | 2,46 |
| 4 | MT4 | 2,96 | 3,10 | 3,20 | 3,27 | 3,16 | 2,85 | 2,65 |
| 5 | MT5 | 2,53 | 2,70 | 2,83 | 2,84 | 2,91 | 2,86 | 2,78 |
| 6 | MT6 | 3,52 | 3,60 | 3,64 | 3,62 | 3,34 | 3,02 | 2,52 |
| 7 | MT7 | 3,37 | 3,45 | 3,48 | 3,55 | 3,31 | 3,02 | 2,69 |
| 8 | MT8 | 2,93 | 3,00 | 3,13 | 3,11 | 2,87 | 2,59 | 2,48 |
| 9 | MT9 | 3,19 | 3,27 | 3,41 | 3,51 | 3,33 | 3,05 | 2,86 |
| 10 | MT10 | 3,50 | 3,58 | 3,72 | 3,75 | 3,08 | 2,65 | 2,37 |
| 11 | MT11 | 2,84 | 2,91 | 3,05 | 3,09 | 3,02 | 2,83 | 2,73 |
| 12 | MT12 | 2,42 | 2,46 | 2,51 | 2,53 | 2,60 | 2,60 | 2,60 |
| 13 | MT13 | 2,43 | 2,50 | 2,52 | 2,57 | 2,66 | 2,66 | 2,70 |

3. Chỉ tiêu COD



Hình 4. Giá trị COD dự báo

Chỉ tiêu COD có xu thế khá tương đồng với BOD₅. Giá trị COD lớn nhất dự báo trong 7 ngày tới biến đổi từ 5,0 mg/l đến 10,0 mg/l.

So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị đều dưới ngưỡng mức B. Chỉ tiêu chất lượng nước COD đảm bảo tốt phục vụ cấp nước cho sản xuất nông nghiệp.

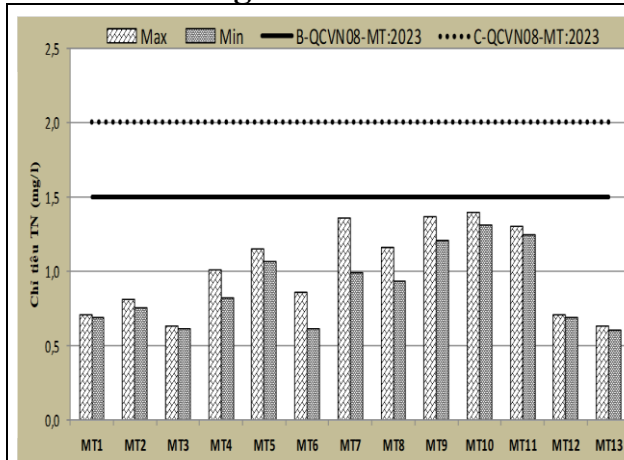
Bảng 4. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 28/06-04/07/2024

Đơn vị: mg/l

| TT | Trạm | 28/06 | 29/06 | 30/06 | 01/07 | 02/07 | 03/07 | 04/07 |
|----|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 1 | MT1 | 6,22 | 6,32 | 6,45 | 6,50 | 6,66 | 6,66 | 6,66 |
| 2 | MT2 | 6,75 | 7,00 | 7,22 | 7,25 | 7,28 | 7,01 | 6,94 |
| 3 | MT3 | 6,08 | 6,19 | 6,32 | 6,38 | 6,56 | 6,56 | 6,56 |
| 4 | MT4 | 6,90 | 7,24 | 7,46 | 7,62 | 7,37 | 6,66 | 6,18 |
| 5 | MT5 | 7,17 | 7,64 | 8,02 | 8,03 | 8,25 | 8,10 | 7,86 |

| TT | Trạm | 28/06 | 29/06 | 30/06 | 01/07 | 02/07 | 03/07 | 04/07 |
|----|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 6 | MT6 | 7,04 | 7,21 | 7,27 | 7,24 | 6,69 | 6,05 | 5,04 |
| 7 | MT7 | 7,86 | 8,05 | 8,11 | 8,29 | 7,72 | 7,05 | 6,29 |
| 8 | MT8 | 7,32 | 7,50 | 7,83 | 7,78 | 7,18 | 6,47 | 6,21 |
| 9 | MT9 | 7,99 | 8,17 | 8,51 | 8,77 | 8,33 | 7,62 | 7,15 |
| 10 | MT10 | 9,34 | 9,55 | 9,92 | 10,01 | 8,20 | 7,07 | 6,33 |
| 11 | MT11 | 7,57 | 7,76 | 8,13 | 8,25 | 8,06 | 7,55 | 7,27 |
| 12 | MT12 | 6,05 | 6,15 | 6,28 | 6,33 | 6,50 | 6,50 | 6,50 |
| 13 | MT13 | 5,27 | 5,43 | 5,47 | 5,58 | 5,77 | 5,77 | 5,85 |

4. Chỉ tiêu tổng Nitơ - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

Giá trị TN lớn nhất dự báo trong 7 ngày tới biến đổi từ 0,61 mg/l đến 1,40 mg/l. Đối với các vị trí đầu nguồn, gần sông lớn như MT1, MT2, MT3, MT6, MT12, và MT13, giá trị TN thường thấp do nước luôn được luân chuyển.

Với các vị trí giáp nước, nội đồng và trong cống như MT4, MT5, MT7, MT8, MT9, MT10, và MT11, giá trị TN thường cao do nước ít được luân chuyển, cống thường xuyên đóng ngăn chặn gây ứ đọng, tích tụ chất thải.

So sánh với QCVN 08-MT:2023 – Bảng 2, các giá trị tại vị trí nguồn cấp đều thấp dưới mức B, các vị trí nội đồng và trong cống cao hơn và dưới mức B, cần chú ý theo dõi vị trí MT7 do xấp xỉ ngưỡng B để có các giải pháp xử lý phù hợp.

Chỉ tiêu chất lượng nước TN đảm bảo tốt cho cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 28/06-04/07/2024

Đơn vị: mg/l

| TT | Trạm | 28/06 | 29/06 | 30/06 | 01/07 | 02/07 | 03/07 | 04/07 |
|----|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 1 | MT1 | 0,69 | 0,69 | 0,70 | 0,70 | 0,71 | 0,71 | 0,71 |
| 2 | MT2 | 0,78 | 0,80 | 0,81 | 0,81 | 0,80 | 0,77 | 0,76 |
| 3 | MT3 | 0,62 | 0,62 | 0,63 | 0,63 | 0,64 | 0,64 | 0,64 |
| 4 | MT4 | 0,95 | 0,98 | 1,00 | 1,01 | 0,96 | 0,88 | 0,82 |
| 5 | MT5 | 1,07 | 1,11 | 1,15 | 1,14 | 1,15 | 1,13 | 1,11 |
| 6 | MT6 | 0,85 | 0,86 | 0,86 | 0,86 | 0,79 | 0,72 | 0,61 |

| TT | Trạm | 28/06 | 29/06 | 30/06 | 01/07 | 02/07 | 03/07 | 04/07 |
|----|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 7 | MT7 | 1,32 | 1,33 | 1,33 | 1,36 | 1,29 | 1,15 | 1,00 |
| 8 | MT8 | 1,14 | 1,15 | 1,16 | 1,15 | 1,01 | 0,96 | 0,94 |
| 9 | MT9 | 1,33 | 1,33 | 1,35 | 1,37 | 1,32 | 1,26 | 1,20 |
| 10 | MT10 | 1,37 | 1,38 | 1,40 | 1,40 | 1,34 | 1,31 | 1,31 |
| 11 | MT11 | 1,28 | 1,28 | 1,30 | 1,30 | 1,30 | 1,27 | 1,25 |
| 12 | MT12 | 0,69 | 0,69 | 0,70 | 0,70 | 0,71 | 0,71 | 0,71 |
| 13 | MT13 | 0,61 | 0,62 | 0,62 | 0,62 | 0,63 | 0,63 | 0,64 |

III. Kết luận, kiến nghị

Theo kết quả dự báo các chỉ số chất lượng nước, gồm DO, BOD₅, COD, TN, tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi NMT, chất lượng nguồn nước trong hệ thống từ 28/06 đến 04/07/2024 vẫn đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất nông nghiệp (so với bảng 2, chất lượng nước loại B của QCVN 08:2023/BTNMT).

Trong tuần dự báo, mặn có xu hướng tăng so với tuần vừa qua khi vào kỳ nước lớn. Kiến nghị các địa phương vùng NMT duy trì giám sát mặn để vận hành hợp lý các công lấy nước ở cả hai nhánh sông Cổ Chiên (từ cống Cái Hóp trở lên) và sông Hậu (từ công Trẹm trở lên). Chỉ lấy nước khi độ mặn nhỏ hơn 1 g/l nhằm bổ sung nguồn nước ngọt cho khu nội đồng, tăng lưu thông dòng chảy, giảm nồng độ ô nhiễm trên kênh rạch, đảm bảo chất lượng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu toàn vùng và xuống giống đầu vụ Thu Đông chủ yếu ở khu vực hai huyện Trà Ôn và Vũng Liêm của tỉnh Vĩnh Long.

Theo Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, thời tiết tại khu vực hệ thống trong tuần dự báo sẽ có mây, có mưa rào và kèm theo dông. Khuyến cáo vận hành tiêu xả môi trường luân phiên phù hợp tại các khu vực công cuối nguồn để giảm thiểu chất ô nhiễm tồn đọng; thường xuyên theo dõi các thông tin dự báo về nguồn nước, xâm nhập mặn, chất lượng nước liên quan đến HTTL Nam Măng Thít để có các biện pháp ứng phó kịp thời.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (để b/c);
- Cục Thủy lợi (để b/c);
- Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Chi cục Thủy lợi, Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện/TP tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

KT.VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phạm Văn Mạnh